| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ ĐÔNG HÒA**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **27**/2024/QĐST-DS | *Đông Hòa, ngày 21 tháng 6 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 99/2024/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2024;

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: B - 268 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Quách Đình Vũ T**, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch N - Ngân hàng TMCP S Chi nhánh P (Theo Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S)

Bị đơn: Ông **Lê Thanh N**, sinh năm 1967 và bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Bị đơn vợ chồng ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị V thừa nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng: **1.438.738.731**đ (một tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi mốt đồng); trong đó nợ gốc là 1.400.000.000đ, các khoản lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/6/2024 tổng cộng là: 38.738.731đ. Các khoản vay, số tiền còn nợ cụ thể như sau:

***Khoản thứ nhất:*** Hợp đồng tín dụng số 202327256911 ngày 29/09/2023, theo giấy nhận nợ số LD2327200383 ngày 29/9/2023, tạm tính đến ngày 10/6/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 308.112.329đ (ba trăm lẻ tám triệu một trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng); trong đó nợ gốc là 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 8.112.329đ.

***Khoản thứ hai:*** Hợp đồng tín dụng số 202427366143 ngày 17/01/2024, gồm 02 giấy nhận nợ:

- Theo giấy nhận nợ số LD2401700588 ngày 17/01/2024, tạm tính tính đến ngày 10/6/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là **925.057.966đ** (chín trăm hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó nợ gốc là 900.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 16.163.014đ, tiền lãi quá hạn là 8.784.246đ, tiền phạt chậm trả lãi trong hạn là 110.706đ.

- Theo giấy nhận nợ số LD2401700599 ngày 17/01/2024, tính đến ngày 10/6/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là **205.568.437đ** (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng); trong đó nợ gốc là 200.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 3.591.781đ, tiền lãi quá hạn là 1.952.055đ, tiền phạt chậm trả lãi trong hạn là 24.601đ.

**2.2.** Trường hợp bị đơn ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng tín dụng số 202327256911 ngày 29/09/2023 và hợp đồng tín dụng số 202427366143 ngày 17/01/2024 đã ký kết thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 20 (đo đạc năm 2010), địa chỉ thửa đất tại khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS093966, vào sổ cấp GCN số CS 03539 cấp ngày 30/03/2020, đăng ký biến động, chỉnh lý đứng tên chủ sở hữu ông Lê Thanh N và bà Phạm Thị V ngày 05/02/2021 để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp ngày 08/02/2021; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 21/09/2021; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 13/01/2022; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 22/09/2022; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 16/01/2023; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 29/09/2023; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 17/01/2024 và cam kết thế chấp ngày 08/02/2021 đã ký kết.

**2.3.** Ông Lê Thanh N thừa nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền **70.502.821đ** (bảy mươi triệu năm trăm lẻ hai nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 52.914.121đ, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/6/2024 là 17.588.700đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1682441 ngày 22/02/2021 và giấy đề nghị ngày 17/8/2021 đã ký kết.

**2.4.** Bà Phạm Thị V thừa nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền **77.023.732đ** (bảy mươi bảy triệu không trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 52.483.588đ, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/6/2024 là 24.540.144đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1961769 ngày 28/03/2022

**2.5.** Bị đơn ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị V tiếp tục phải chịu các khoản lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng 202327256911 ngày 29/09/2023, Hợp đồng tín dụng số 202427366143 ngày 17/01/2024, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm

hợp đồng số 1682441 ngày 22/02/2021 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1961769 ngày 28/03/2022 đã ký kết với Ngân hàng TMCP S.

**2.6.** Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Lê Thanh N và bà Phạm Thị V phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đã tạm ứng số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) nên bị đơn ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị V phải có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

**2.7.** Về án phí: Bị đơn ông Lê Thanh N và bà Phạm Thị V tự nguyện chịu 27.581.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến khoản vay của hợp đồng tín dụng số 202327256911 ngày 29/09/2023 và hợp đồng tín dụng số 202427366143 ngày 17/01/2024.

Bị đơn ông Lê Thanh N tự nguyện chịu 1.762.000đ (một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1682441 ngày 22/02/2021 đã ký kết.

Bị đơn bà Phạm Thị V tự nguyện chịu 1.925.000đ (một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1961769 ngày 28/03/2022.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 29.276.000đ (hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0003230 ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

**THẨM PHÁN**

**Trần Nhật Trường**